

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP The Golden Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028 7777 9999 Fax:
- Email: info@thegoldengroup.vn Website: <https://thegoldengroup.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 4/năm 2025
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/01/2026 tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/>

Tài liệu đính kèm:

BCTC Q4/2025

VB giải trình

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THE
GOLDEN
GROUP

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN THE GOLDEN GROUP
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN THE GOLDEN
GROUP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:0105787835
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026.01.29 14:54:32+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Kim Nguyên



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Của

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|-----------------------------------|--------------|
| Báo cáo tài chính riêng | 1-15 |
| Bảng Cân đối kế toán | 1-2 |
| Báo cáo Kết quả kinh doanh | 3 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | 4 |
| Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính | 5-16 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 12.325.110.340 | 17.484.489.370 |
| I. Tiền | 110 | V.1 | 415.969.971 | 2.948.620.873 |
| Tiền | 111 | | 415.969.971 | 748.620.873 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 2.200.000.000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 8.761.457.102 | 11.178.572.749 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 279.019.081 | 109.525.833 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 1.246.293.001 | 1.638.333.001 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 2.413.865.921 | 3.553.865.921 |
| Các khoản phải thu khác | 136 | V.5a | 57.435.073.078 | 57.198.508.316 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.6a | (52.612.793.979) | (51.321.660.322) |
| III. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.147.683.267 | 3.357.295.748 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | V.8b | 267.698.873 | 477.311.354 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | V.8b | 2.879.984.394 | 2.879.984.394 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 119.638.160.001 | 123.032.088.056 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 126.000.000 | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 126.000.000 | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 22.666.678 | 32.666.674 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 22.666.678 | 32.666.674 |
| - Nguyên giá | 222 | | 50.000.000 | 50.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (27.333.322) | (17.333.326) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 108.234.082.082 | 111.395.398.119 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2a | 162.700.000.000 | 162.700.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2a | 23.532.000.000 | 23.332.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | V.2a | (77.997.917.918) | (74.636.601.881) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 11.255.411.241 | 11.604.023.263 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7 | 11.255.411.241 | 11.604.023.263 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 131.963.270.341 | 140.516.577.426 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.648.267.630 | 3.574.609.543 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.487.467.630 | 3.539.809.543 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 87.556.054 | 3.425.760 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 20.000.000 | 34.615.385 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.8a | 17.046.666 | 32.383.104 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 31.818.182 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.9a | - | 2.138.338.566 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.331.046.728 | 1.331.046.728 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 160.800.000 | 34.800.000 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | V.9b | 160.800.000 | 34.800.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 130.315.002.711 | 136.941.967.883 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.10 | 130.315.002.711 | 136.941.967.883 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 272.999.900.000 | 272.999.900.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 272.999.900.000 | 272.999.900.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 2.889.093.455 | 2.889.093.455 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (145.573.990.744) | (138.947.025.572) |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | (138.947.025.572) | (126.982.319.387) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (6.626.965.172) | (11.964.706.185) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 131.963.270.341 | 140.516.577.426 |

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc



Lý Thanh Nhã

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Ghi chú | Quý IV năm 2025 | Quý IV năm 2024 | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-------|---------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------|
| Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ | 01 | | 139.144.753 | 23.076.923 | 300.531.408 | 23.076.923 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - | - |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 139.144.753 | 23.076.923 | 300.531.408 | 23.076.923 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | | 110.372.025 | - | 360.450.324 | - |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 28.772.728 | 23.076.923 | (59.918.916) | 23.076.923 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.1 | 62.505.947 | 138.543.863 | 300.549.368 | 842.985.450 |
| Chi phí tài chính | 22 | VI.2 | 620.433.890 | (777.678.070) | 3.361.316.038 | 5.887.736.217 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | (1.479.452) | - | (1.479.452) |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.3 | 2.278.249.397 | 2.565.816.468 | 5.350.370.497 | 6.765.195.745 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (2.807.404.612) | (1.626.517.612) | (8.471.056.083) | (11.786.869.589) |
| Thu nhập khác | 31 | | - | - | 1.909.090.911 | 540 |
| Chi phí khác | 32 | | - | 85.000.000 | 65.000.000 | 177.837.136 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | - | (85.000.000) | 1.844.090.911 | (177.836.596) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (2.807.404.612) | (1.711.517.612) | (6.626.965.172) | (11.964.706.185) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | (2.807.404.612) | (1.711.517.612) | (6.626.965.172) | (11.964.706.185) |

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc



Lý Phước Nhà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Ghi chú | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-----------|------------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | | | |
| | 01 | (6.626.965.172) | (11.964.706.185) |
| Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | 9.999.996 | 9.999.996 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 4.652.449.694 | 9.010.589.606 |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (2.209.640.279) | (842.985.450) |
| 3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD | | | |
| | 08 | (4.174.155.761) | (3.787.102.033) |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | 2.248.128.387 | 6.096.916.653 |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả | 11 | (1.926.341.913) | (3.132.305.630) |
| (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | | | |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | 348.612.022 | 381.865.794 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | 20 | (3.503.757.265) | (440.625.216) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (160.000.000) | (1.100.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 1.300.000.000 | 6.100.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (200.000.000) | (2.678.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 31.106.363 | 128.661.456 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | 30 | 971.106.363 | 2.450.661.456 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (2.532.650.902) | 2.010.036.240 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 2.948.620.873 | 938.584.633 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 415.969.971 | 2.948.620.873 |

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Nhã

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 . Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần The Golden Group được đổi tên từ Công ty cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 06/09/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thông tin về trụ sở chính: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty được đăng ký giao dịch (UPCoM) tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TGG.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

2 . Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 3 công ty con cụ thể như sau:

Danh sách các công ty con

| Stt | Tên doanh nghiệp | Trụ sở chính | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2025 | Hoạt động kinh doanh chính |
|-----|--|--------------|------------------------|--|--|
| 1 | Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC | TPHCM | 79,8% | 111.127.000.000 | Mua bán tài sản, mua bán nợ |
| 2 | Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global | TPHCM | 100,0% | 2.000.000.000 | Kho vận, logistics |
| 3 | Công ty TNHH Angimex Furious | An Giang | 51% | 100.000.000.000 | Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa |

Danh sách các công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết cụ thể như sau:

| Stt | Tên doanh nghiệp | Trụ sở chính | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2025 | Hoạt động kinh doanh chính |
|-----|---|--------------|------------------------|--|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư | TPHCM | 35,65% | 66.000.000.000 | Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng tư vấn đầu tư |

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1 . Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.
- 2 . Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

3 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

2 . Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

4 . Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

5 . Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

6 . Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

7 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, chi phí phát hành trái phiếu và các chi phí khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

8 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10 . Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được phê duyệt bởi các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chậm thanh toán, lãi mua bán chứng khoán kinh doanh, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, bảng tính lãi chậm thanh toán, lãi khi bán chứng khoán kinh doanh.

12 . Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
|---------------------------------|--------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 141.399.905 | 141.399.905 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 274.570.066 | 607.220.968 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 2.200.000.000 |
| | <u>415.969.971</u> | <u>2.948.620.873</u> |

2 . Các khoản đầu tư tài chính

| | 31-12-2025 | | | 01-01-2025 | | |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | |
| - Đầu tư vào công ty con | 162.700.000.000 | 84.702.082.082 | 77.997.917.918 | 162.700.000.000 | 88.063.398.119 | 74.626.981.881 |
| <i>Công ty cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC (1)</i> | 88.700.000.000 | 19.406.114.026 | 69.293.885.974 | 88.700.000.000 | 20.960.262.800 | 87.734.787.200 |
| <i>Công Ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global (2)</i> | 2.000.000.000 | 43.542.914 | 1.956.457.086 | 2.000.000.000 | 41.036.318 | 1.959.969.682 |
| <i>Công ty TNHH Angimex Furious (3)</i> | 72.000.000.000 | 65.252.425.142 | 6.747.574.858 | 72.000.000.000 | 67.062.099.001 | 1.927.985.000 |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 23.532.000.000 | 23.532.000.000 | - | 23.332.000.000 | 23.332.000.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư (4)</i> | 23.532.000.000 | 23.532.000.000 | - | 23.332.000.000 | 23.332.000.000 | - |

(1) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC với tổng số tiền góp vốn theo mệnh giá là 88.700.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85,6% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 85,6% quyền biểu quyết. Trong năm 2022, do công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC tăng vốn thực góp, dẫn đến thay đổi tỷ lệ thành 79,8% vốn thực góp và 79,8% quyền biểu quyết.

(2) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global với tổng số tiền góp vốn là 2.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 100% quyền biểu quyết.

(3) Trong năm 2021, Công ty đã mua lại vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious với tổng số tiền mua theo vốn điều lệ là 49.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 49% quyền biểu quyết. Ngày 23/12/2022, Công ty CP XNK An Giang mua lại vốn góp với số tiền mua theo vốn điều lệ là 19.000.000.000 đồng. Do đó, tại ngày 31/12/2022, số dư vốn góp mà Công ty CP The Golden Group đang nắm giữ chỉ chiếm tỷ lệ 30% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong tháng 12/2023, Công ty đã mua thêm 21 tỷ vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious, chiếm tỷ lệ từ 30% lên 51% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong năm 2024, Công ty TNHH Angimex Furious hoàn tiền góp vốn theo nghị quyết số :26/NQ-HDTV ngày 26.01.2024, và Công ty chi tiền góp vốn tại Công ty TNHH Angimex Furious theo nghị quyết số :27/NQ-HDTV ngày 01.02.2024.

(4) Từ tháng 5/2023 đến tháng 10/2023, Công ty đã mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư với tổng số tiền là 20.654.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 31,29% vốn điều lệ. Ngày 16/08/2024, Công ty mua 0,76% cổ phần với số tiền là 500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 32,05%. Ngày 07/11/2024, Công ty mua 3,3% cổ phần với số tiền là 2.178.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 35,35%. Ngày 25/03/2025, Công ty mua 0,3% cổ phần với số tiền là 200.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 35,65%.

| 3 . Trả trước cho người bán | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước ngắn hạn cho người bán; hoạt động SXKD | 1.246.293.001 | 1.638.333.001 |
| | 1.246.293.001 | 1.638.333.001 |
| <i>Chi tiết:</i> | | |
| <i>CN công ty ACC Xi nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC</i> | 430.000.000 | 430.000.000 |
| <i>Công ty TNHH kiến trúc và chuyên giao công nghệ Hà Nội</i> | 550.000.001 | 550.000.001 |
| <i>Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY</i> | | 389.880.000 |
| <i>Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam</i> | 116.640.000 | 118.800.000 |
| <i>Khác</i> | 149.653.000 | 149.653.000 |
| | 1.246.293.001 | 1.638.333.001 |
| 4 . Phải thu về cho vay ngắn hạn | | |
| | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
| Cho vay nội bộ ngắn hạn | | |
| + Công Ty Cổ Phần Quân Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC | 1.753.865.921 | 2.953.865.921 |
| + Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư | 500.000.000 | 600.000.000 |
| + Công Ty Cổ Phần HB Pharma | 160.000.000 | - |
| | 2.413.865.921 | 3.553.865.921 |
| 5 . Phải thu khác | | |
| | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
| a) Ngắn hạn | | |
| Tạm ứng cho nhân viên/(Phải trả cho nhân viên) | (902.587) | 5.296.205 |
| Phải thu lãi cho vay | 4.885.975.665 | 4.643.212.111 |
| Trong đó | | |
| <i>Bên thứ ba</i> | - | - |
| <i>Bên liên quan</i> | 4.885.975.665 | 4.643.212.111 |
| Phải thu Từ Thị Hồng Thanh (*) | 45.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| Phải thu Vũ Minh Hoàng | 7.550.000.000 | 7.550.000.000 |
| | 57.435.073.078 | 57.198.508.316 |

(*) Chi tiết

(*) Là khoản tiền Công ty đã trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10/09/2021. Đến ngày 31/12/2021, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành việc chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 đồng. Số tiền Công ty đã trả thừa cho Bà Từ Thị Hồng Thanh là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần Bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa chuyển nhượng cho Công ty là 4.500.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 45.000.000.000 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này Công ty chưa liên hệ được với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền này.

| 6 . Nợ xấu | 12/31/2025 | | | 1/1/2025 | | |
|---|----------------|------------------------|----------------|----------------|------------------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| Phải thu nhà cung cấp | | | | | | |
| <i>Bà Từ Thị Hồng Thanh</i> | 45.000.000.000 | - | 45.000.000.000 | 45.000.000.000 | - | 45.000.000.000 |
| <i>Chi nhánh Tổng Công ty ACC - Xi nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC</i> | 430.000.000 | - | 430.000.000 | 430.000.000 | - | 430.000.000 |

| | | | | | | |
|--|------------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| <i>Công ty TNHH Kiến trúc và chuyên giao công nghệ Hà Nội</i> | <i>550.000.001</i> | <i>-</i> | <i>550.000.001</i> | <i>550.000.001</i> | <i>-</i> | <i>550.000.001</i> |
| <i>Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc - Chi nhánh Phú Thọ</i> | <i>66.653.000</i> | <i>-</i> | <i>66.653.000</i> | <i>66.653.000</i> | <i>-</i> | <i>66.653.000</i> |
| <i>Trung tâm tư vấn và phát triển lâm nghiệp</i> | <i>50.000.000</i> | <i>-</i> | <i>50.000.000</i> | <i>50.000.000</i> | <i>-</i> | <i>50.000.000</i> |
| <i>Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ AKISEI</i> | <i>32.400.000</i> | <i>-</i> | <i>32.400.000</i> | <i>32.400.000</i> | <i>-</i> | <i>32.400.000</i> |
| <i>CÔNG TY TNHH XNK LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM THIÊN VŨ</i> | <i>54.000.000</i> | <i>-</i> | <i>54.000.000</i> | <i>54.000.000</i> | <i>-</i> | <i>54.000.000</i> |
| <i>Công ty cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU</i> | <i>33.000.000</i> | <i>-</i> | <i>33.000.000</i> | <i>33.000.000</i> | <i>-</i> | <i>33.000.000</i> |
| <i>Công ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC</i> | <i>6.424.298.546</i> | <i>352.520.521</i> | <i>6.071.778.025</i> | <i>7.038.108.172</i> | <i>2.111.432.451</i> | <i>4.926.675.728</i> |
| <i>CÔNG TY CỔ PHẦN HB PHARMA</i> | <i>553.091.505</i> | <i>247.502.465</i> | <i>305.589.040</i> | <i>550.684.929</i> | <i>385.315.067</i> | <i>165.369.862</i> |
| <i>Khác</i> | <i>19.373.913</i> | <i>-</i> | <i>19.373.913</i> | <i>19.373.913</i> | <i>5.812.174</i> | <i>13.561.739</i> |
| Tổng cộng | <u>53.212.816.965</u> | <u>600.022.986</u> | <u>52.612.793.979</u> | <u>53.824.220.015</u> | <u>2.502.559.692</u> | <u>51.321.668.322</u> |

7 . Chi phí trả trước

| | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| a) Dài hạn | | |
| Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia (*) | 11.255.411.241 | 11.604.023.263 |
| Cộng | <u>11.255.411.241</u> | <u>11.604.023.263</u> |
| Tổng | <u><u>11.255.411.241</u></u> | <u><u>11.604.023.263</u></u> |

(*) Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5(S1.S3)HĐCTMB/SME-HG ngày 20/6/2016 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty. Tổng diện tích thuê là 582,0m², thời hạn thuê từ tháng 6/2016 đến hết tháng 6/2058, tổng giá trị tiền thuê của hợp đồng là 16.000.000.000 đồng.

8 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau :

| | 31-12-2025 | Số phải nộp | Số đã thực nộp | 01-01-2025 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| a) Phải nộp | | | | |
| Thuế môn bài | - | 6.000.000 | 6.000.000 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân từ lương | 17.046.666 | 248.424.240 | 263.760.678 | 32.383.104 |
| | <u>17.046.666</u> | <u>254.424.240</u> | <u>269.760.678</u> | <u>32.383.104</u> |
| b) Phải thu | | | | |
| Thuế GTGT hàng nội địa | 267.698.873 | (209.612.481) | - | 477.311.354 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 2.879.984.394 | - | - | 2.879.984.394 |
| | <u>3.147.683.267</u> | <u>(209.612.481)</u> | <u>-</u> | <u>3.357.295.748</u> |

9 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
|---|------------|----------------------|
| a) Ngắn hạn | | |
| Kinh phí công đoàn | - | 38.338.566 |
| Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*) | - | 2.100.000.000 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>2.138.338.566</u> |
| (*) Chi tiết: | | |
| Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình hỗ trợ dự án trang trại chăn nuôi lợn | - | 2.100.000.000 |
| | <u>-</u> | <u>2.100.000.000</u> |

| | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
|--|--------------------|-------------------|
| b) Dài hạn | | |
| - Nhận tiền cọc cho thuê văn phòng tòa nhà SME | 160.800.000 | 34.800.000 |
| Cộng | 160.800.000 | 34.800.000 |

(*) Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên nhận của các cá nhân theo các hợp đồng hợp tác đầu tư để cùng thực hiện dự án.

10 . Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ Đầu tư và Phát triển | LN sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|----------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 272.999.900.000 | 2.889.093.455 | (126.982.319.387) | 148.906.674.068 |
| Lãi/Lỗ trong năm | - | - | (11.964.706.185) | (11.964.706.185) |
| Số dư đầu năm nay | 272.999.900.000 | 2.889.093.455 | (138.947.025.572) | 136.941.967.883 |
| Lãi/lỗ trong năm nay | - | - | (6.626.965.172) | (6.626.965.172) |
| Số dư cuối kỳ | 272.999.900.000 | 2.889.093.455 | (145.573.990.744) | 130.315.002.711 |

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31-12-2025 | | 01-01-2025 | |
|------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | Số tiền | % | Số tiền | % |
| Ngô Quang Tuấn | 29.000.000.000 | 10,62% | 29.000.000.000 | 10,6% |
| Các cổ đông khác | 243.999.900.000 | 89,38% | 243.999.900.000 | 89,4% |
| | 272.999.900.000 | 100% | 272.999.900.000 | 100% |

Cổ phiếu

| | 31-12-2025 | 01-01-2025 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 27.299.990 | 27.299.990 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/ ban hành ra công chúng | 27.299.990 | 27.299.990 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 27.299.990 | 27.299.990 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 27.299.990 | 27.299.990 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 27.299.990 | 27.299.990 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|-------------------|--------------------|--------------------|
| - Lãi tiền gửi NH | 71.957.899 | 43.987.254 |
| - Lãi cho vay | 228.591.469 | 798.998.196 |
| Cộng | 300.549.368 | 842.985.450 |

2 . Chi phí tài chính

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|---------------|---------------|
| - Trích lập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác | 3.361.316.038 | 5.889.215.669 |
| - (Hoàn nhập) / Trích chi phí lãi vay | - | (1.479.452) |

| Cộng | 3.361.316.038 | 5.887.736.217 |
|---|----------------------|----------------------|
| 3 . Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| | Năm 2025 | Năm 2024 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 2.401.590.680 | 1.657.404.848 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 50.528.077 | 42.358.660 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 9.999.996 | 9.999.996 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 6.000.000 | 7.000.000 |
| - Chi phí dự phòng | 1.291.133.656 | 3.121.373.938 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.460.716.040 | 1.837.301.708 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 130.402.048 | 89.756.595 |
| Cộng | 5.350.370.497 | 6.765.195.745 |

4 . Nghiệp Vụ Với Các Bên Liên Quan

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---|
| Ông Nguyễn Xuân Hòa | Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 18/07/2025 |
| Ông Nguyễn Kiên Giang Ông Nguyễn Xuân Hòa | Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 22/03/2023 đến ngày 18/07/2025 |
| Công Ty Cổ Phần HB Pharma ("HB Pharma") | Công ty con từ 26/04/2023 đến ngày 22/12/2024 |
| Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC ("Louis AMC") | Công ty con |
| Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư ("CIC") | Công ty liên kết |
| Công Ty TNHH Angimex Furious ("Angimex Furious") | Công ty con |

4.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---------------|-------------|--|-------------|---------------|
| HB Pharma (*) | Công ty con | Lãi cho vay | 6.036.166 | 299.178.081 |
| | | Cho HB vay | 160.000.000 | 5.000.000.000 |
| | | Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp | - | 5.000.000.000 |
| | | Chuyển nhượng vốn góp 7.550.000.000 đồng công ty HB Pharma | - | 7.550.000.000 |
| | | Chi hộ | 1.158.000 | 8.720.783 |

(*) Kể từ ngày 23/12/2024, Công ty cổ phần HB Pharma không còn là công ty con của tập đoàn, nhưng vẫn là công ty có liên quan do cùng người kiểm soát.

| | | | | |
|-----------------------|--------------------------|--|---------------|---------------|
| Louis AMC | Công ty con | Lãi cho vay | 233.669.853 | 443.370.804 |
| | | Louis AMC trả lãi vay | - | 30.329.000 |
| | | Thu gốc cho vay từ Louis AMC | 1.200.000.000 | 5.000.000.000 |
| CIC | Công ty liên kết | Lãi cho vay | 51.336.985 | 49.052.051 |
| | | CIC trả lãi vay | 21.599.999 | 46.947.942 |
| | | Thu gốc cho vay từ CIC | 100.000.000 | 600.000.000 |
| | | Cho CIC vay | - | 600.000.000 |
| | | Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng | 302.995.838 | - |
| | | Thanh toán chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng | 213.000.000 | - |
| | | Phí thuê văn phòng CIC | - | 29.072.727 |
| | | Mua cổ phần CIC | 200.000.000 | 2.678.000.000 |
| | | Bù trừ công nợ | 26.679.451 | - |
| | | Angimex Furious | Công ty con | Góp vốn |
| | | Hoàn tiền góp vốn | - | 4.600.200.000 |
| Ông Nguyễn Kiên Giang | Thành viên Ban kiểm soát | Mua cổ phần CIC từ ông Nguyễn Kiên Giang | 200.000.000 | 2.678.000.000 |
| Ông Nguyễn Xuân Hòa | Thành viên độc lập HĐQT | Cho thuê văn phòng | 54.418.125 | - |

4.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V5.a)</i> | | | | |
| HB Pharma | Công ty con | Lãi cho vay | 556.721.095 | 550.684.929 |
| Louis AMC | Công ty con | Lãi cho vay | 4.317.912.104 | 4.084.242.251 |
| CIC | Công ty liên kết | Lãi cho vay | 11.342.466 | 8.284.931 |
| Cộng | | | 4.885.975.665 | 4.643.212.111 |
| <i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số V.4)</i> | | | | |
| HB Pharma | Công ty con | Phải thu về cho vay | 160.000.000 | - |
| Louis AMC | Công ty con | Phải thu về cho vay | 1.753.865.921 | 2.953.865.921 |
| CIC | Công ty liên kết | Phải thu về cho vay | 500.000.000 | 600.000.000 |
| Cộng | | | 2.413.865.921 | 3.553.865.921 |
| <i>Phải thu khách hàng</i> | | | | |
| HB Pharma | Công ty con | Phải thu khách hàng | - | 2.501.280 |
| Cộng | | | - | 2.501.280 |
| <i>Phải trả người bán ngắn hạn</i> | | | | |
| CIC | Công ty liên kết | Phải trả người bán ngắn hạn | 87.556.054 | - |
| Cộng | | | 87.556.054 | - |

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026



Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Nhã

